

# VỤ BẮC SỨ NĂM CANH-THÌN

Đ Ờ I

CẢNH - HƯNG

với LÊ QUÍ-ĐŌN và trình bày bằng văn nôm

HOÀNG XUÂN HÃN

● tiếp theo Sử Địa số 6

## TRỪ-BỊ TÀI-CHÁNH

Sau khi sấm-sửa công-vật và lựa-chọn sứ-thần, triều-đường lo đến các chi-phí trong việc sứ: lộc cấp sứ-bộ, lễ yết thần-kì, lễ biểu quan Thanh, tiền cấp phu đài-tải, vân vân.

Thượng-tuần tháng hai năm Kỉ-tị (1759), theo thường-lệ, chúa cấp cho nhân-viên sứ-bộ nào *dân-lộc* (tiền sưu), nào *điền-lộc* (thuế ruộng), nào tiền mặt:

1) Chánh-sứ được cấp dân-lộc một xã vừa, 120 quan *tiền-cổ* (tiền-cổ đời bấy-giờ cũng bằng tiền *quít*, nghĩa là ăn 600 đồng tiền) và *mã-điền-lộc* (hoặc *điền-lộc*) 50 mẫu;

Mỗi viên phó-sứ được cấp dân-lộc một xã vừa, 100 quan tiền cổ và 40 mẫu *mã-lộc-điền*;

Mỗi hành-nhân được cấp 12 suất *nhieu-phu* (suất tiền mà dân góp để được miễn dao-dịch), vào 10 mẫu *điền-lộc*;

Mỗi tùy-nhân được cấp 6 suất *nhieu-phu* và 5 mẫu *điền-lộc*.

Các *điền-lộc* thì kể bắt đầu từ mùa năm ấy. Các lộc ấy dùng để sấm sửa hành-trang, lễ-vật dùng trong sứ-trình.

2) Đó là phần chi-tiêu cấp cho sứ-bộ. Còn các phái-bộ chỉ đi đến biên-giới trừ bị hai việc tuế-cống và cáo-ai, tuy đi không xa, nhưng chi-phí cũng không phần kém, hoặc phải biểu các quan Thanh để làm lễ chào (lễ *xí-khấn*), hoặc phải nộp một khoản bạc và lễ-vật mỗi khi xin mở cửa Nam-quan, hoặc nộp một ống công-văn nhờ chuyển đạt về triều.

Bảng sau đây ghi những chi-phí ấy :

Hầu-mệnh							
	Thổ-ngân (lạng)	Thổ-quyển (tấm)	Hồ-tiêu (cân)	Quạt chiếc	Hương đen (cây)	Hương trắng	Sáp thơm (bình)
Tuế-cống	700	50	300	200	2000	2000	
Cáo-ai	350	25	15	100	1000	1000	
Mở quan và nạp công-văn							
Tuế-cống	66	29	29	250			58
Cáo-ai	30	10	10	100			20

Về việc cáo-ai của bộ Hầu-mệnh, bản sao chép 15 tấm thổ-quyển và 15 cân hồ-tiêu, nhưng so sánh với các con số về việc tuế-cống thì tôi nghĩ rằng đó phải là 25 tấm và 150 cân, nghĩa là bằng nửa phần tuế-cống như các khoản khác.

3) Hành-trình đi Yên-kinh rất dài và hiểm-trở. Theo tín-ngưỡng xưa thì các sông núi đều có Hà-bá hoặc Sơn-thần coi giữ. Sứ-bộ qua đó muốn vô-sự thì phải có lễ cáo và cầu yên. Ma những vị thần linh có bốn-phận phủ-hộ sứ-đoàn thì ai hơn vua chúa đã qua đời. Các lễ tế trên đất Thanh thì các sứ-thần phải tự-biện, còn các lễ tế trên đất ta, thì phủ-liêu đã xin chúa cấp chò 59 quan cổ-tiền 5 tiền và 30 đồng. Lê Quý-Đôn đã ghi các chi-tiết rõ-ràng : tên đền và

giá lễ-vật, khiến cho ta được biết những địa-điểm quan-trọng đã qua trên đường Nam-quan, và nhất là giá thực-liệu tương-đối vào khoảng năm 1759.

Bảng sau đây ghi những chi-tiết ấy. Sẽ viết tắt: q là quan cổ-tiền (600 đồng), t là tiền (60 đồng) đ là đồng tức là đồng tiền bằng đồng ch là hãy xem chú-thích ở dưới:

Địa-điểm	Đền hoặc Thần	Trâu	Lợn	Xôi mâm	Vàng-mã mâm	Hương	Rượu	Trầu
Nhị-hà	Hà-bá		1 8 t	1 2 t	1	1 2 t	1	
Thăng-long	Cung-miếu 7	7 28 q		7 2 q 1 t	7 1 q 30 đ	7	7 7 t	7
Đình-bảng	Lí Bát-đế	1 4 q		1 3 t	1	1 3 t	1	
Doanh cầu	ch.	1 4 q		1 2 t	1	1 2 t	1	
Quỉ-môn quan	ch.	như trên						
ch.	Trung-vũ	như trên						
Mai-pha Lạng-son	Pha-long	như trên						
Đồng-đăng	Pha-duy	như trên						

Không biết rõ bảy cung-miếu ở Thăng-long là những miếu nào, nhưng chắc gồm có *Lê Thái-miếu* thờ các vua Lê, *Trịnh Thái-miếu* thờ các chúa Trịnh, và có lẽ cả *Văn-miếu* thờ Khổng-tử.

Đền *Lí Bát-đế*, hoặc *Lí Bát-vị* thờ tám đời vua triều Lí, kể cả nữ-vương Chiêu-hoàng, ở làng Đình-bảng, phủ Từ-son, tỉnh Bắc-

ninh (trấn Kinh-bắc đời Lê), cạnh bên quan-lộ đi Lạng-sơn. Vì vậy có lẽ  
yết riêng.

*Doanh Cầu* hoặc *Cầu-doanh* là một trạm can-trọng trên đường  
sứ, thuộc tỉnh Bắc-giang. Theo các sách, như *Đại-nam nhất-thống-chí*  
thì đền thờ hai vị Đê-thiên phụ-quốc và Minh-giang đê-thống; có lẽ  
đều là thiên-thần.

Quý-môn-quan ở xã Chi-lăng gần biên-giới Bắc-ninh và Lạng-  
sơn Tục truyền rằng đền thờ Phục-ba tước-quân Mã Viên, nhưng  
có lẽ không đúng vì đền có bức tượng hình đàn-bà (*Đại-nam nhất-  
thống chí*). Có lẽ chỉ là một sơn-thần.

Đền Trung-vũ không biết đích ở đâu trên khoảng từ Chi-lăng  
đến Đoàn-thành (trấn-sở Lạng-sơn). Về đời Nguyễn, các sứ qua khoảng  
này đều yết đền Hồ lao ở Đèo Voi, gần đồn Mai-sảo (Lí Văn-  
Phúc: *Sứ-trình tiệp lām*), phải chãng cũng cùng một đền. Hình như  
Liễu Thăng bị giết ở đó. Nay có tảng đá dài hình giống người nằm  
sấp Người ta coi như là hóa-thân của Liễu-thăng.

Đền Pha-long ở cạnh trấn-sở Lạng-sơn. Với đền Pha-duy đều  
thờ thiên-thần.

3) Công việc đãi-tải hành-lí, theo nguyên-lệ, các quan phủ huyện  
dọc đường phải lấy tiền *buu-đình* mà thuê phu, mỗi người mỗi ngày  
được lĩnh ba tiền, nghĩa là 180 đồng. Nhưng theo lời phủ-liều, thì  
từ vụ cống năm Quý-dậu (1753), lấy tiền cống do Hộ-phiên cấp mà  
tiêu vào việc ấy. Vậy dự-định số tiền 324 quan để cấp cho bộ hầu-  
mệnh thuê 240 phu trên địa-phận trấn Kinh-bắc, từ sông Nội-hà đến  
xã Chi-lăng, đường đi hết bốn ngày rưỡi. Còn trên địa-phận Lạng-  
sơn thì dân sở-tại phải cúng-đáng công việc đãi tải, vì đã được  
miễn thuế.

Riêng về hành-lí công và tư của sứ-bộ, phủ chúa cấp cho mỗi  
người phu 5 quan. Phí-tổ cộng thành 2445 quan, phân-tách như sau:

Quan-vật 11 hòm	84 phu	420 quan
Riêng của chánh-sứ	70 phu	210 quan
Riêng của phó-sứ	120 phu	360 quan
Riêng của hành-nhân		
	225 phu	675 quan
Riêng của tùy-nhân		
	260 phu	780 quan
Tổng cộng	729 phu	2445 quan

Sách *Bắc-sứ thông lục* ghi rõ ràng các vật đựng trong các hòm. Ngoài những cống-vật đã kể trên, có nhiều thứ vải như *thổ-quyển* (lụa quyển) gồm ba hạnh lụa dệt trong xứ, và nhất là một số tấm *đà-la* màu hồng và màu xanh. *Đa-la* tức là vải (dạ).

## BAN CẤP SỨ-THẦN

Từ tháng chạp năm Mậu dần (1758), sau khi được tuyển dự « hoàng hoa », các sứ-thần phải lo lắng tiền-nong mà cũng được tư-cấp bổng-lộc và ban cấp nhiều vinh-dự.

Ngày 20 tháng giêng năm sau (Kỉ-mão 1759), các sứ-tần vào bái mạng, rồi ngày 23 vào Nội-diện tạ ơn.

Quan tham-tụng Nguyễn Quý-Cảnh trình xin chiếu lệ cấp dân-lộc, điền-lộc như đã kê trên. Các lộc ấy là tiền trợ-cấp vào các khoản chi-phí trong sứ-vụ. Trong lời khải của các sứ-tần vào hạ-tuần tháng giêng, có nói:

« .. Theo lệ cũ, về công-trang, nhà nước chỉ phát bạc, quyển, *đà-la*. Còn các lễ-vật đãi khách, tham-yết, phân-phát thì các bồi-thần phải biện riêng, đại-để tổn-phí có đến hơn hai nghìn quan Vì lẽ ấy mà các bồi-thần đã xin chúa ban chức cho các tùy-nhân mà mình được tự chọn, để các người này nạp tiền chức-sắc thêm vào quỹ chi-phí... »

Những lộc ban ấy, tuy tiếng là to, nhưng trong thực-tế cũng không thu dễ và bị hao trừ vì tổn-phí giấy mực. Ví như về tiền

bút-mực, đóng ấn thì phải nộp cho nha-môn 12 quan (bằng giá ba con trâu). Các sứ-thần phải xin phủ-quan chầu trước. Thượng-tuần tháng năm, các bồi-thần lại xin lĩnh trước tiền phụ-cấp đãi-tải riêng. Trong lời khải có nói:

«.Thông tính thì tiền phu khoán các thuộc ba viên bồi thần và mười viên tùy nhân cộng là 1170 quan. Theo lệ thì đến ngày khởi hành sẽ được quan Hộ-phiên cấp phát với tiền phụ-cấp thuế phu gánh công-hàm và hành-lý riêng của hành-nhân. Nay xin lĩnh trước để tiện công-trang. Đợi đến ngày cấp phát sẽ chiếu mà trừ ..»

Suốt nửa đầu năm Kỉ-mão (1759), các sứ-thần bận-ộn về các việc chọn tùy-nhân, biếu công-trang như vậy, để cho kịp khởi-hành vào tháng chín như đã dự định. Nhưng, như ta đã biết, vào tháng sáu nhuận, Thượng-hoàng mất. Ngày khởi-trình bị hoãn, để xin cho sứ-bộ tuế-sống kiêm cả việc cáo ai. Trong khi đợi triều-dinh Thanh chấp-thuận, thì những vinh-dự thường-xuyên vẫn tiếp làm rạng về sứ-thần.

Thượng-tuần tháng 8, phủ-liêu quan trình xin theo lệ ban yến, thưởng ngân cho sứ-bộ. Lễ thưởng ngân gồm:

Bạc: 148 lạng, 9 tiền, 9 phân, 9 li

Cổ-tiền: 125 quan, 2 tiền, 50 đồng

Hoa-ngân: 3 hốt

Sứ-tiền: 149 quan, 1 tiền, 30 đồng

Áo châu: 3 bức

Mũ châu: 3 chiếc

Đai thau (đồng pha kềm): 3 chiếc

Vải đen (láng?): 22 tấm

Quyển (lụa) 22 tấm

Mắm trê (chữ nho: Hàm): 152 bình. 鹹

Lễ-nội-yến (thết yến riêng) đặt ở điện Vạn-thọ, ban cho ba bồi-thần:

Bạc : 9 lạng, 9 tiền, 9 phân, 9 li  
cho hai mươi hai hành và tùy-nhân :

cổ-tiền : 11 quan, 2 tiền, 50 đồng

Lễ ngoại-yến (thết yến ở ngoài) đặt ở Đan-trì, phía phải; ban cho ba bồi-thần, mỗi người 10 lạng bạc và 10 quan cổ-tiền; cho chín hành-nhân mỗi người 5 lạng bạc và 5 quan cổ-tiền; cho mười ba tùy-nhân mỗi người 3 lạng bạc và 3 quan cổ-tiền.

Trên đây là các lễ thưởng của vua Lê. Các bồi-thần lại phải bái tạ chúa Trị h. Được chúa ban cho mỗi bồi-thần :

1 bức áo chầu (Gồm ba áo : ở ngoài thì áo lụa dày màu đen, trong dùng linh đồ và trắng)

1 mũ

1 đai bằng thau, dùng sừng trâu bọc chung quanh

1 hốt hoa-ngân.

Mỗi hành-nhân hoặc tùy-nhân được ban một tấm vải đen. Lại ban chung 149 quan sứ-tiền, 1 tiền, 30 đồng và 152 chính mắm trê. Riêng các y-sĩ của phái-đoàn được ban thuốc, bút mực và 25 lạng bạc (theo lời khải ngày mồng 10 tháng 8 năm Kỉ mao 1759).

Ngày mồng 10 tháng 9, chúa Minh tới yết Quốc-tử-giám, ở Khổng-miếu Thăng-long. Lê-Quý-Đôn ghi rằng : « Chánh-sứ vì ốm nên cáo. Phó-sứ Lê Quý-Đôn theo hầu; được chúa dụ rằng hãy tới yết Văn-miếu ở Thượng-quốc, về lấy các kiểu cổn (áo vua) mền (mũ vua), theo đúng như vậy mà chế-tạo rồi mang về ». Áo mũ nói đây là đồ thờ Khổng-tử mà các triều-đại Trung-quốc đã tôn vào hàng vương.

Vào hạ-tuần tháng chín, các việc công chuẩn-bị sứ-vụ đã gần, công-kì cũng gần đến. Lê Quý-Đôn dâng khải xin về làng « để chỉnh-bị tư-trang, một tháng sẽ trở về kinh để đợi công việc ». Đó chắc là giai-đoạn làm hã-hê lòng « quan sứ » nhất, còn hơn là khi vinh

qui báí tở sau lúc đậu bảng-nhân tam khôi. Và chãng bảy giờ, ông còn trẻ (34 tuổi), cha còn mạnh mới về trí-sĩ, cái vinh-hạnh càng lan tràn đến họ-hàng làng xứ Trong bài *Đề từ của ập Bắc-sứ Thông lục*, Quý-Đôn có nhắc chuyện rằng :

« Nhớ lại ngày tôi tám, chín tuổi, Đại-nhân nhà (tức là cha, tên là Lê Phú-Thứ, tiền-sĩ khoa Giáp-thìn 1724, làm quan đồng triều với con) dạy tôi học Luật-ngữ. Đến câu *Hành kỳ hữu sĩ, sự u tú phương bất nhục quân mệnh, khả vị sĩ kỳ* (Làm việc riêng của mình biết đều thẹn, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua. Được như thế thì có thể gọi là kẻ sĩ — Lời Khổng-tử trả lời Tử-Cống trong thiên Tử-Lộ sách Luận-ngữ), hỏi tôi rằng : « Mày có làm như thế được không ? » Tôi trả lời rằng : « Biết đều thẹn là khó mà thôi. Đi sứ làm rạng nước nhà, trọng mệnh vua, thì có khó gì » Đại-nhân nhà cười rằng : « Thành bé này có khí hào », và bảo rằng : « Ý khí thì cố-nhiên nên hào. Không thái quá, không chịu thua, không làm sai phẩm-cách ; nhưng cũng nãn êm dịu, nhã nhãn, không thì thành như một tảng thù-suất ». Tôi trả lời xin vâng. Rồi tôi đi thi đậu đầu ; bảy năm sau vâng sứ-mệnh với chức phó-sứ. Bảy giờ mới 33 tuổi. Đại-nhân nhà mừng mà bảo rằng : « Đọc kinh Thi ba trăm chương, nay thấy sự thật dụng đó. Hãy gắng sức ». Tôi cũng cương quyết tự hứa .. »

Thấm-thoát đã gần cuối tháng mười một. Ti-thiên-giám chọn ngày giờ đai yến các sứ-thần và ngày lên đường. Viên Thuận-lĩah-bá Đình Công-Vĩ, đầu tháng chạp, trình đã chọn ngày giờ các việc sau :

Các quan hầu mệnh lên đường : ngày Nhâm-thìn 16 tháng chạp năm ấy, giờ Thìn (7 giờ sáng mồng 2 tháng 2 năm 1760).

Ban nội-yến cho sứ-bộ : ngày Bính-thìn, mồng 10 tháng giêng năm sau (3 giờ chiều ngày 26 tháng 2 năm 1760) giờ Thân.

Ban ngoại-yến cho sứ-bộ : ngày hôm sau, giờ Thân.

Các quan hộ-cống (Tiêm-vũ-hầu và Đôn-cung-hầu coi hai cơ lính đi hộ-tống các cống-vật) khởi hành : ngày Bính-dần, 20 tháng ấy.

Các sứ-thần khởi-hành: ngày Giáp-tuất 28 tháng ấy, giờ Thìn (9 giờ sáng ngày 15 tháng ba năm 1760).

## KHỞI-TRÌNH VÀ HÀNH-TRÌNH TỚI YÊN-KINH

Với bản *Bắc-sứ thông-lục* mà tôi được đọc thì ta không biết chi-tiết gì khoảng đầu hành-trình vụ đi sứ này, vì nó chỉ còn hai quyển, đầu và cuối: quyển đầu chép khoảng trừ-bị cho đến cuối năm Kỉ-mão (1759); quyển cuối chép nhật-trình từ khi về đến địa-hạt tỉnh Giang-nam, trên sông Dương-tử, bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm Tân-tị (1761). Chính trong hai quyển thiếu, Lê-Quý-Đôn đã ghi nhật-trình từ khi từ biệt triều-đường, đến lúc tới Yên-kinh làm tròn sứ-mệnh, rồi đến nửa khoảng đường về Mong rằng ở Bắc-Việt còn có hai quyển ấy, để sau ta có thể biết tường-tận khoảng này.

B.i khai bằng nôm của sứ-thần gửi về trình chúa Minh đã cho ta biết một phần nào về hành-trình từ tỉnh lỵ Quảng-tây, Quế-lâm, đi Yên-kinh. Sau đây, tôi sẽ thêm một vài chi-tiết khác.

Riêng về bộ Hàu-mệnh, thì ngày khởi-bành ở trong năm Kỉ-tị, cho nên quyển đầu sách BSTL còn ghi tờ khai của bộ ấy trình về. Sự đặc-biệt la tờ khai này cũng bằng chữ nôm như bài trên, nhưng ngắn hơn nhiều:

*« Cảnh-hưng nhị thập niên thập nhị nguyệt, thập bát nhật.*

*Phụng-sai hàu mệnh PHẠM SĨ-THUYỀN, NGUYỄN XUÂN-HUYỀN, TẠ ĐÌNH-HOÀN dâng, cầu . khai động lay... Đức Thượng muôn muôn năm, Ngự hay:*

*Tháng này ngày mười sáu, chúng tôi đã sang (vãng?) khởi trình; còn tạm trú xứ Bắc (: Kinh-bắc), Thị-cầu dịch. Ngày hai mươi, chúng tôi sang (vãng?) sai thông-sự vãng quan thượng (đi lên cửa Nam-quan), cho hiệp với phó-thủ-ái, cùng tiền-lộ thông-sự tra không Nội-địa tiền-tức chi chưa, thì hữu từ (: có thư) về cho chúng tôi được biết, để chúng tôi sang đệ tiến.*

Vậy phải... động-đặt Ngự hay.

Chúng tôi động lạy... Đức Thượng muôn muôn năm.

Tư cần... khải (: nay cần thận thưa trình) ».

Bài đề-từ dẫn trên còn cho biết rằng bấy giờ chúa Minh Trịnh Doanh « vừa quyền chú đền (Lê Quý-Đôn), lòng không muốn tôi đi xa. Mùa thu năm Kỉ-mão (1759) chúa bảo Cồn quận-công (Trương Khuông một thân-thần võ tướng được Trịnh Doanh rất tin dùng) rằng muốn giữ tôi ở lại để giúp chính (âm bồi tụng) và bảo hỏi dò ý tôi. Tôi quì trình rằng: « Muôn tạ ơn Thánh-chúa vun đắp cho tôi. Tôi thì trên luyện vua, dưới nhớ cha mẹ; há lại không muốn xin ở lại, Nhưng nghĩ rằng người xưa làm quan ắt nên trải mọi việc Việc sứ ba năm đi về cũng không lấy gì làm lâu Vậy xin vẫn được qua xem Thượng-quốc, chính-trị ra sao, nhân-vật ra sao ». Chúa bằng lòng; ban cho chức nhập-thị thêm sai, lại cho tước bá... »

Vậy toàn sứ-bộ không thay đổi, sau một năm chờ đợi, đã đến kì ra đi.

Lúc vào chào chúa, chúa ban cho sứ-bộ một bài thơ còn chép trong tập *Cần-nguyên ngự-chế thi-tập* của Trịnh Doanh. Trái với nhiều bản khác, bài thơ ấy làm bằng chữ Hán :

### Ban sứ-thần Trần Huy-Mật đăng

Lạc bí phi phi khoái trước tiên  
Sứ hoa điều đệ phất tình yên  
Ba kinh hảo duyệt thi tam bách  
Chức khiếp dao thông lộ kỉ thiên  
Tỉ xá thành phu Trần Bắc-địa  
Lữ đình giá trọng Đẩu Nam thiên  
Quan quang trừ vọng hồi trình  
tảo  
Quốc khánh gia hựu cộng thế  
diên

放使臣殊輝泣等  
駱轡非非快著鞭  
使華迢迢拂晴煙  
葩經好閱詩三百  
織篋遙通路幾千  
比舍誠孚辰北地  
旅庭價重斗南天  
觀先竚望回程早  
國慶家休共世延

Đại-khai nghĩa như sau; « Cầm cương ngựa xăm xăm phất roi liễn liễn, sứ-nhân đóng-giã khi tạnh khi mù Từng thích đọc ba trăm chương kinh Thi, nay chỗ hòm níp vượt đường xa hàng nghìn dặm. Khi tới kinh hây tỏ lòng thành đối với Vua đất Bắc; trên đất khác hây làm cao giá nước Nam Xem xét nước người đi, ta đợi trở về cho chóng. Nước đẹp nhà vui mãi với đời ».

Chúa Minh rất trọng văn học và rất ham làm thơ, thơ chữ và thơ nôm. Tuy không phải là thi-sĩ đặc-biệt, nhưng thơ rất đúng khuôn sáo. Nhân đây ta hây so với bài thơ nôm mà chúa ban cho sứ-bộ Nguyễn Huy-Oánh lúc đi tuế-cống năm năm sau (Ất-dậu 1765):

« Vó câu đường phẳng mặc khoan-thai  
 Công nghĩa hai bề vẹn cả hai  
 Tiên ngọc khăng khăng vâng bệ ngọc  
 Rượu mai phẳng-phẳng chúc đình mai  
 Niềm trung ái dành ghi dạ  
 Gánh quân thân sớm nặng vai  
 Kịp thấy qui thiếu công được vẹn  
 Danh thơm càng vẹn chốn Vân-đài »

(Sách kể trên và *Phụng-sứ Yên-đài* tổng-ca)

Xem những chứng trên, ta thấy rằng trước đời Tây-Son, văn thơ bằng Việt-ngữ được chuộng và dùng trong công-sự nhiều, và không phải vì không thông chữ Hán mới dùng Điều thông thường là Hán-văn và Việt-ngữ hay xen lẫn với nhau. Cũng trong tập BSTL này, có bài trình sau này có tính-cách ấy:

« *Cảnh-hưng nhị thập niên cừu nguyệt sơ tam nhật*

*Bản niên cừu nguyệt sơ tam nhật, thiêm-tri Bình-phiền Châu-thọ-hầu đệ biểu tấu tư di trình-văn công nhị thập bát đạo (đạo công-văn gửi cho quan Thanh), lĩnh tấu chuẩn đoãn. Tái phụng chỉ phán truyền trung-giám tinh tà (viết cho tinh) cho kịp trống ba; như chẳng kịp thì đợi đến canh năm là giờ Hoàng-đạo hây*

viết, kéo canh tư là giờ Không-vong chẳng nên. *Dĩ phụng*  
*truyền Ti-thiên-giám trạch thì, thù bản nhật giáp khác tả gián..»*

Ngày 28 tháng giêng năm Canh-thìn, sứ-bộ lìa khỏi Giang-đỉnh, là chỗ tòa nhà dựng bên sông Nhị-hà để triều-thần tiến sứ. Sau đây, tôi mượn ít câu ca bằng Hán-văn trong bài *Tổng-ca* của Nguyễn Huy-Oánh để tả hành-trình trên đất nước ta:

Li câu thanh náo hành ca  
Triều độ Nhị-hà trú Ai-mộ thôn..  
Xu trình thập tập hành nang  
Cầu-doanh văn bạc, Thọ-xương biểu hành  
Sổ thiên phủ đảo Cẩn-doanh  
Sơn thê Bát-vị, kiều hoành Hóa-giang  
Quĩ-môn quan miếu tiến hương  
Chính phu phục đảo Quang lang tạm đình  
Kháo liên Mẫu Tử tài kinh  
Việt sơn trực để Đoàn thành trú quân

(*Phụng sứ Yên-đài tổng ca*)

Đường đi qua làng Ai-mộ thuộc Gia-lâm, Cầu-doanh (Thị-cầu, Đáp-cầu) trên sông Nguyệt-đức, Thọ-xương (phủ Lạng-thương trên sông Nhật-đức); Cầu-doanh kề sông Hóa (chợng-lưu sông Nhật-đức); lên giữa hẻm đá Quĩ-môn-quan mà vào địa-phận Lạng-sơn huyện Quang-jang, rồi vượt liền hai núi Kháo-mẹ và Kháo-con để đến trấn-thành Lạng-sơn.

Nổi lời trên tôi lại mượn nguyên-văn *bằng năm* của Nguyễn Tông-Khuê một sứ-thần đi Thanh trước đó mười sáu năm:

Non xanh nước biển mây lồng  
Tam-thanh một động gồm cùng hòa ba  
Ngọc đồng nên cảnh chiến già  
Hương lừng mùi quế, bóng lửa màu đan

Bờ-lao om núi kêu ran  
 Sơ-sương một tiếng đánh tan mọi niềm  
 Khâu-lừa cây rợp bóng êm  
 Cửa the nhà gấm vầy thêm tư bề  
 Khách thương buôn bán đi về  
 Cửa thông hai nước, chợ lẽ sáu phiên  
 Dịch Mai sẩy thấy tin truyền  
 Quý-đông mừng bầy sứ liền quá quan  
 Tiếng người tiếng súng dậy ran  
 Kê về Kinh-quốc, người sang Yên-đài

(Lữ hành ngâm)

Trừ ngày sứ-bộ qua cửa quan (Mồng 7 tháng 11), những chi-tiết khác kể trên chắc không thay đổi trong tháng hai năm Canh-thìn. Cũng như mọi sứ-bộ khác trong triều Lê, các sứ-thần đợi ở trấn-thành Lạng-son lệnh và giờ mở cửa Nam-quan. Khi được tin thì tiến đến phía nam cửa quan đợi ở nhà công *Ngưỡng-đức* đài. Đến giờ đã định, sứ-bộ Đại-Việt từ Nam và phái-đoàn Đại-Thanh từ bắc cửa quan cùng tiến đến cửa quan Cửa quan mở, súng phát đón chào, rồi phái-đoàn Bắc dẫn sứ-bộ đến tòa nhà công ở phía Bắc cửa quan, tên *Chiêu-đức* đài, để trao các biểu chương. Rồi sứ-bộ đi lên bắc, bộ Hầu mệnh trở về Thăng-long.

Từ đó sứ-bộ theo đường bộ đến *Bình-tường*, doanh *Qui đạo*, rồi xuống thuyền ở *Ninh-minh*. Nguyễn Huy-Oánh (sách PSYĐ) và Nguyễn Tông-Khuê (sách *Lữ hành ngâm*) cho đến những sứ-thần đời Nguyễn đều kể rõ nhật-trình trong khoảng này.

Theo PSYĐ thì sứ-bộ được cấp mười bốn chiếc thuyền *mộc-mã*. Thứ thuyền này mũi và lái thấp, ở giữa hơi cao; trên mũi gác sàn tre, hai bên ghép ván, có thể đi chạy trên ván để chống thuyền (PSYĐ 3a). Lê Quý-Đôn trong VDLN cho biết rõ rằng « Từ Quảng-tây đến Hồ-nam, đi bằng thuyền *mộc-mã* làm bằng gỗ cây chương và cây phong, đầu đuôi thấp, ở giữa hơi cao, trên mũi gác sàn tre,

hai bên bắc ván để đi chày, gọi là giang-kiều. Thuyền dài hơn bốn trượng rộng bảy thước» (mỗi thước bằng 0,487m).

Thay lời Lê Quý-Đôn, tôi tiếp mượn lời ca của Nguyễn Tông-Khuê sứ-thần gồm thi-nhân :

Xuống thuyền ngược (?) giao sông *Ninh*  
Hai quan bạn-tổng đem binh giữ-giang  
Đi bên mười dặm một đảng (đồn giữ sông)  
Tiếng la, tiếng súng rập-ràng đến đưa  
Có nơi cây bãng non thừa  
Cày làm chẳng đổ đất thừa bên giang  
Có nơi la-đá (tảng đá) mọc ngang  
Nước xô cuộn cuộn sóng vang ù ù  
Có nơi kềm hiểm thông chu  
Cây om núi biếc, khói mù duềnh xanh  
Thuận dòng ruổi đến *Thái-bình*  
Viện lễ xi-kiến, lễ hành nghinh-tân  
Nữ-nhi khác thói thôn-dân  
Cung-hài, trâm tóc, nhỏ chân, trơ đầu  
Da gởi phấn, mặt phau phau  
*Tân-ninh* lét thấy ruổi mau đến thành

(*Lữ hành ngâm*)

Từ Ninh-minh, hai viên *bạn-tổng*, họ La và họ Bành, một quan văn, một quan võ (theo *Lữ hành ngâm*) đón sứ và có nhiệm vụ hộ vệ sứ-bộ dọc đường đi về. Thuyền xuôi dòng sông *Tả-giang* qua phủ *Thái-bình*. Có quan tri-phủ họ *Tra* đưa thơ sách họa (theo *Đề từ*). Thành-phố lớn được gặp trên sông (cũng gọi là *Tầm-giang*) là *Nam-minh*. Thuyền lại xuôi đến *Tầm-châu*, rồi đến *Ngô-châu* là nơi giáp-thủy sông *Tầm* và sông *Quế* từ phương bắc chảy xuống. PSYĐ ghi rằng « chỗ này sông chia làm hai ngã, một ngã xuôi nước chảy xuống *Quảng-dông*, đó là đường đi sứ cũ...; một ngã, phía bên trái, ngược dòng lên thông *Quảng-tây* » (trang 9a). Xét sách *Dịch*

trình đề vịnh tập thì thấy vào khoảng năm 1597 Phùng Khắc-Khoan đi sứ Minh đã theo đường ấy (xem bản-dề ở trang 152 trong SB số 6). Chuyến này, thuyền sứ ngược dòng sông Quế.

« Tròng-châu ngõ cửa đợi trăng  
Gió xuân một trận xem bằng gió thu  
Mới tăng thấy cảnh Ngô-chu (châu)  
Nước chia hai gác, sóng thu nghìn trùng  
Sứ xưa xuôi đạo Quảng-đông  
Tiết này lên bắc ngược dòng Quế-giang  
Đất tiên bến ngọc sông vàng  
Người hoa cảnh báu phong-quang có thừa »

(Lữ hành ngâm)

Nếu nhật-trình lần này cũng như lần sau, năm 1765, thì gần hai tháng thuyền mới tới Ngô-châu, nghĩa là vào trung-tuần tháng tư. Từ Ngô-châu thuyền ngược dòng sông Quế rất là vất-vả, nhưng cảnh-vật rất hùng vĩ và cũng có phần nguy-hiểm:

« Ngược dòng cho phải đẩy sào  
Vững tay cầm lái quản bao hiểm ghèo  
Nước san, đá chạy, thuyền leo  
Mặc long chống-chối hò reo vang lừng  
Rợp trời những núi cùng rừng  
Kham chi Miêu Liễu (dân Mèo) nó từng gheo binh »

(Lữ hành ngâm)

Từ khải bằng nôm của sứ-bộ đã cho ta biết rằng thuyền đến Quế-lâm trị-sở Quảng-tây, vào tháng năm. Theo lệ, các công-vật được đưa lên nạp tại đây. Trong vụ cống sau, Nguyễn Huy Oánh cho biết rằng: « Bấy mươi trai phu tải cống-vật đến doanh Bồ-chánh qua cửa giữa vào .. Các quan tỉnh đều mặc áo măng-bào. Trước hết bảo đem hòm đựng các tờ biểu tới. Công-phiên mở khóa, các vị xem xong các biểu, rồi hai người giúp việc mở hòm cống-vật, lần lượt cân

tất cả các vật, thu nhận và giao cho viên đề-lĩnh Theo Nguyễn Tông-Khuê, các cống-vật ấy được chở về Kinh bằng đường bộ (chú-thích *Lữ hành ngâm*) Công việc xong quan tỉnh Quảng-tây sai mở tiệc và diển tuồng mừng sứ-bộ.

« Đồi bên cân nhắc cho xong  
Cống nghi đã lĩnh lại phong mặc người  
Yến diên tiệc mở đời-mỗi  
Tạ từ thời mới vè-vời sơn xuyên »

(*Lữ hành ngâm*)

Đến đây, phần đầu sứ-mệnh đã hoàn-thành. Cho đến Yên-kinh, hành trình chỉ một cuộc viễn-du, đến đâu có quan địa-phương cung-cấp phu-phên và lương-thực Sứ-nhân mà trở nên du-khách được trọng-vọng, rất nhàn-hạ, được nhíp qua những đất, những thành, những thắng-cảnh, cổ-tích mà từ thủa trẻ từng quen biết qua các kinh, các sử, các thi-văn. Dễ-dàng ta tưởng tượng được cái khoái chí của những văn-nhân như các sứ-giả.

Ngược dòng sông Quế tới nguồn rồi không phải đổi thuyền mà lại bắt sang dòng sông Tương để xuôi dòng lên phương bắc. Ấy là nhờ những cống nước mà từ đời Tần đã biết xây đập trong núi Mã đầu.

« Mưa mai khói liễu đưa thanh  
Giang sơn chốn chốn thị thành đều xuân  
Hoa trời, núi đất, ruộng dân  
*Linh-cừ* một dải thanh-tân mọi bề  
Lạ thay tát nước bằng xe  
Lạ thay đội ruộng có lẽ rắc vôi  
Quanh co khúc bảy mươi hai  
Ba mươi sáu đầu (ngăn) mặc ai đi về »

(*Lữ hành ngâm*)

Thuyền xuôi sông Tương, nhưng vì « gặp tiết Hồ Quảng hoang

hạn, Tương-giang cạn-khô, tháng bảy ngày mười chín mới đến Tràng-sa » (Tờ khải). Sông Tiêu hợp với sông Tương tạo những cảnh nổi danh, thường gọi là *Tiêu Tương bát cảnh*. Lê Quý-Đôn trong gần một tháng đã ngâm vịnh nhiều : kết-quả là tập *Tiêu Tương bách vịnh*. Chưa được đọc tập ấy (chắc bằng Hán-văn), tôi lại mượn lời nôm của Nguyễn Tông-Khuê để tả qua khoảng ấy :

« *Vinh-châu* phong-cảnh hữu-tình  
*Tiêu Tương* hai gác một duềnh chảy tuôn...  
 .. Phong-quang cu-góp một bầu  
 Cây lồng thức gấm, suối mau tiếng đàn  
 Cô-đỉnh vôi-vôi thạch-bàn  
 Bốn mùa trăng gió một đoàn sơn xuyên...  
 .. Bảy mươi hai đỉnh cao xây  
 Non cao đặc đặc, tranh vẩy huyền *Hành*  
 Cá ngon gạo trắng bạch-canh  
 Đất sang người xúm, sông thanh nước dài...  
 ... Tràng-sa thành rộng phố dày  
 Lầu thơ điểm rượu tỉnh say đôi đoàn  
 Chèo thương, buồm khách, thuyền quan  
 Bóng mờ đáy nước, cột đan nũa dòng  
 Ba con mới đổi thuyền hồng  
 Rèm the cửa triện bình-bồng mặt ta »

(*Lữ hành ngâm*)

Thế là sáu tháng sau khi từ già Thăng-long, sứ-bộ mới tới Tràng-sa, inh-lị Hồ-nam, sắp sửa phải qua hồ Động-đình sóng to gió cả. PSYĐ chép rằng : « Được cấp thuyền *tuyền-lâu* ba chiếc. Thuyền đóng dài hơn bảy mươi thước, rộng mười ba thước. Hai bên, khách đi chạy được. Ở giữa gác lầu, chia thành phòng, có chạm khắc sơn tô, vẽ hình ; dùng gỗ thông làm cột buồm, đường kính hai ba tấc » (trang 21a). Lê-Quý-Đôn trong *Văn-đài loại-ngữ* cũng chép rằng « ở Hồ-bắc, Giang-nam, có nhiều thuyền *tuyền-lâu*, hoàng-khoái, có gác lầu, chia thành phòng, chạm vẽ, sơn trang-hoàng mầu

đò, có hai cột buồm lớn, hai bên có giang-kiều. Thuyền dài hơn tám trượng, rộng mười ba thước». Sứ bộ lần này được cấp thêm một chiếc.

Động-dinh hồ trời nước mênh-mông, lại thêm núi mọc giữa hồ. Chung quanh biết bao nhiêu thắng cảnh, bao nhiêu cổ-tích. Vì vậy hồ đã là một người thơ vô-tận tự ngàn xưa cho văn-nhân thi-khách Trung-hoa và cho tất cả các sứ-thần Việt qua đó.

« Động-dinh một nước một trời  
Rủ-rê Phạm Lãi dong chơi bảy chày  
Mênh mang bờ cõi khôn hay  
Gió nồng nghìn dặm, trăng đầy ba thu (chu: thuyền?)  
*Quân-sơn* một đỉnh mù mù  
Hồn Trương in trúc, cầm Ngụ mượn từng  
*Nhạc-dương* lâu nọ đứng trông  
Ba phen ông Lã hứng nồng chưa người  
Đành như *Xích-bích* vũng doi  
Non *Nam* (*Nam-binh*) còn dấu còn đài *Cần-phong*  
Ngàn lau phới phới gió đồng  
Chẳng hay *Ba nước* tranh hùng nơi nao  
Được thua mấy cuộc thấp cao  
Giang-sơn đành-rạnh khác nào ngày xưa »

(*Lữ hành ngâm*)

Lời Nguyễn Tông-Khuê tả rõ trạng-thái tâm-hồn của các sứ-giả. Rồi bốn chiếc lâu-thuyền vào lạch sông Giang (Dương-tử) xuôi dòng xuống *Hán-khẩu*, *Vũ-xương* tỉnh-lỵ Hồ-bắc. Đến đó ngày băm hai tháng tám. Theo lệ, sứ bộ đổi thuyền, có lẽ sang thứ thuyền *hoàng-khoái* mà Lê Quý-Đôn đã tả chung với thuyền *tuyên-lâu* trong *VĐLN*, để xuôi đến Kim-lăng (Nam-kinh). Khoảng đường này đi mất vừa một tháng, đã dẫn các sứ-giả qua nhiều nơi cổ-tích liên-quan đến nhiều văn-hào đời trước: lâu Hoàng-hạc bắc thơ Thôi Hạo, Bờ *Xích-bích* ghi phú Tô Thức bên *Tầm-dương* nhớ hành Bạch Cư-Dị, các Đền-vương ngâm phú Vương Bột, gềnh Thái-thạch sùng thi-bá Lí Bạch, núi Lô-sơn gọi thuyền Đào Tiềm.

«Tiên-ông cưỡi hạc bao giờ  
 Lầu còn chầm chầm đứng chờ bên sông  
 Một thơ *Thôi Hạo* ngoan nồng  
 Làm cho gác bút mếch lòng Thi-tiên (Lí Bạch)...  
 ... *Tô tiên* (Tô Đông-Pha) đêm nguyệt chơi đầu  
 Có đình còn phú, có lầu còn thơ  
*Tầm-dương* gió liễu phất-phơ  
 Ngược xuôi buồm khách đón đưa đời ngày  
*Cừu-giang* lướt côi *Giang-tây*  
 Sông chia chín gác, núi xây nghìn tầng  
*Tì-bà* đình hây đón trăng  
 Đợi chàng họ *Bạch* có chãng mới đàn...  
 ... Thú vui mấy rặng *Mã-đương*  
 Bóng *Đào Bành-trạch* mơ-màng giậu đông  
 Một phen nổi trận trảng-phong  
 Đưa người *Vương Bột* tới công (trong) *Các Đàng* ..  
 ... Một bầu *Thái-thạch* say người  
 Dưới sông nước tú, trên trời non thanh  
 Kia ai bắt nguyệt duềnh xanh  
 Trần-ai rữ sạch cưỡi kinh ngao-du  
 Ngang-tàng một đứng trượng-phu  
 Càn khôn là ngụ, giang hồ là vui »

(*Lữ hành ngâm*)

Ngày hăm một tháng chín, thuyền đến Nam-kinh. Sứ-bộ lưu lại đó trong gần hai mươi ngày, tha hồ du-lãm các thắng-tích Nguyễn Huy-Oánh sau đó cũng lưu lại hơn tháng, và đã chép rằng : « ... Sông Tấn-hoài chảy giữa thành. Chú-vi thành 180 dặm, mở 13 cửa. Hàng gì cũng có Phường sách hơn trăm, lại có phường dệt. Thuyền có bao-lơn bày ghế ăn, tiếng tơ tiếng trúc ồn ào khắp làng xóm Tục thích chầu cảnh. Có nhà gồng đến trăm bần để bán... »

Nguyễn Tông-Khuê trước đó đã đi sứ hai lần, cũng ca ngợi rằng :

« *Kim-lăng* vương khí đầu tày  
 Ròng quanh, Hồ xúm tranh vầy gấm phong  
 Non vàng nước ngọc trùng trùng  
 Sáu triều chốn ấy di-phong đời đời  
 Thành vây trăm dặm tám mươi  
 Nhà nhà phú quý người người phong-lưu  
 Hoa xuân gió hạ trăng thu  
 Thuyền lan bến đỗ, đèn cù lâu chong  
 Cửa tuôn nam bắc tây đông  
 Xe mù dặm liễu ngựa giông đường hòe  
 Vui thay một lạch *Thanh-khê*  
 Lầu son gác vẽ thuyền kẻ nguồn tiên  
 Người thơ tuần rượu con thuyền  
 Sớm nơi *Đào-độ* tối miền *Hạnh-thôn*  
 Báo-án tháp ngọc chẳng mòn  
 Dấu cầu *Chu-tước* hầy còn như xưa  
 Ở y con én ngân-ngư  
 Tìm nhà Vương Tạ u-ơ chào người  
 Chùa *Thanh-lương* cũng thanh-thời  
 Yên chi phấn đượm hương trời chưa phai  
 Một chèo viếng cảnh *Tần hoai*  
 Trúc xoang, tơ bấm, chiều ai hứng nòng  
 Bước mây lên đỉnh non *Chung*  
 Ba nghìn thế-giới một thung bầu trời  
 Thành xưa dấu cũ khách chơi  
 Nền nhà Tần Tấn là nơi đi về  
 Mãng vui cảnh vật sơn Khê  
 Gió kim (tây) thổi lọt rèm the bao giờ »

(*Lữ hành ngâm*)

Chắc rằng các sứ-giả văn-nhân trong chuyến đi này đều cũng  
 mất hoa, lòng cảm, trí khoái, hồn rung, trong khi viếng cảnh *Kim-*  
*lăng* như thế.

Trong khi lưu-trú ở Nam-kinh, sứ-bộ lại thay thuyền một lần nữa. « *Hoán thuyền nhưng phục chiếu tuần cữn qui* », (PSYĐ), nghĩa là: đổi thuyền vả lại theo đời lệ xưa. Thứ thuyền này chắc là thuyền *phi sa* (bay qua cát) mà Lê Quý-Đôn tả trong VDLN: « *Vùng Hoài, Dương đến Yên-kinh có nhiều thuyền phi sa, cửa lớn, cửa sổ có chạm khắc sơn vẽ, dài sáu trượng, rộng chín thước* ». Thứ thuyền này ngắn và hẹp hơn thuyền *tuyên-lâu* và thuyền *hoàng-khoái*, và sứ-bộ sắp lia sông Dương-tử để quay vào kênh Vận-hà, vượt vùng đồng, thẳng lên bắc.

Ngày mồng chín tháng mười, sứ-bộ rời khỏi Nam-kinh, qua sông Dương-tử để vào cửa sông đào. Sông Vận-hà là công-trình vĩ-đại, đã nhiều triều-đại nối nhau kiến-thiết dần dần. Mục-dích là nối các hồ mà đất hai tỉnh Giang-nam và Sơn-đông có nhiều, mở một thủy-đạo thông các sông Giang, Hoài, Hoàng, Bạch, để tải muối và gạo từ Nam lên Bắc. Kênh có nhiều cống đá xây; hoặc cống ngang để nâng mực nước, hoặc cống dọc để tháo nước vào đồng. Đời bấy giờ sông Hoàng còn ra biển ở phía nam tỉnh Sơn-đông, cạnh cửa sông Hoài (xem bản-đồ trong số 6). Vì vậy khoảng cách giữa hai sông lớn Giang và Hoàng khá gần nhau, nhưng sông cạn, phải dùng cửa cống khi đóng khi mở để ngược dòng. Ngày mồng sáu tháng mười một, mới qua sông Hà chỗ cạnh *Hoài-âm*.

Trong quang này, cổ-tích về đời Hán tuy nhiều, nhưng trời đã cuối thu, khí chùng đã lạnh. Lại trên sông ít nơi đô hội, tuy nhiên thi-húng của sứ-giả không sòn. Duy có Dương-châu là đất Quảng-lăng xưa, thuyền xuyên qua thành-phố:

« Một duênh trăng tỏ soi lâu  
 Lại hai mươi lẻ bốn cầu nước trắng  
 Điểm thơ báí (quán ?) rượu thàng-thằng  
 Quần hồng áo cánh hương lừng đường hoa  
 Thuyền lan tiếp tiếp kẻ nhà  
 Mùi thông sực-nức tiếng ca rập-rình

Mậu-đơn thược-dược dầy cành  
Dấu con lầu Ngọc vườn Quỳnh thú tiên »  
(Lữ hành ngâm)

Thuyền lên đến Hoài-âm, đất phong của Hàn Tín  
«*Hoài-âm* đất phẳng như tờ  
Trong thành nghi-ngút miếu thờ *Hàn-vương*  
*Diệu-đài* tạc biển bên giang  
Một từ *Xiếu-mẫu* khói hương chưa tàn...  
... Lọt *Hoài* bóng ngả tà-dương  
Bên trời chiếc nhạn pha sương bay về  
Phất-phơ bến liễu đường hòe  
Vàng in dầy lá, bạc phê dầy cành  
Tiếng thu xào-xạc trên xanh  
Một đèn hây tỏ năm canh chưa nằm  
*Hoàng-hà* sóng dầy âm âm  
Vượt ngang hây vững tay cầm lái ta ! »  
(Lữ hành ngâm)

Khởi Hoàng-hà, kênh gọi *Lt-hà*, thuyền đi tám ngày thì vào địa-hạt Sơn-đông đến cổng *Đài-nhi* (trong tờ khải, tôi chưa bản sao viết *Đài-nhi-gian* ra *Đài-nhi-quan*, nhưng có lẽ đúng ra thì phải đọc *Đài-nhi-áp*, *Áp* là cửa cổng hoặc cổng. Cả ba chữ *Gian*, *Quan*, *Áp* tự dạng rất gần nhau, viết dễ lẫn). Ấy là ngày mười bốn tháng mười một.

Tờ khải nói rõ rằng bấy giờ tiết đông lạnh, nước sông đã đóng váng, làm cho các cửa cổng không mở được dễ-dàng. Vậy, quan địa-phương cấp phu, xe ngựa để sứ-đoàn theo đường bộ đi Yên-kinh, Hai mươi bốn ngày sau, sứ bộ đến Yên-kinh, đúng ngày mồng tám tháng chạp.

Tuy chưa được đọc những quyển hai và ba sách BSTL, tôi tin rằng hành-trình trong k' oảng này không khác hành-trình vụ sứ năm năm sau, chép trong PSYĐ Lần sau này, khi thuyền sứ đến *Đài-nhi-trang*, nước sông cũng đã đóng giá làm trở ngại thuyền :

« Đai-nhi băng nại khách thuyền » (PSYĐ) nhưng còn đi thêm được bảy ngày, đến Đàng huyện mới lên bộ. Quan hộ-tống phải cho thuyền con đi trước, lấy sào đập văng giá để nước cuốn trôi; như vậy thuyền sứ mới tiến được. Quan địa-phương cấp cho sứ-bộ Nguyễn Huy Oánh hăm hai cỗ xe, mười ngựa và răm mươi p<sup>h</sup>u. Đường qua thành Tế-ninh có nhà thờ Đỗ Phủ, huyện Đông-a có mộ Hăng Vũ, các huyện Đông-xương, Ân, Đức châu Cảnh-hầu. Ngày đi hai buổi, tối trú tại nhà tư-gia, chắc là kẻ hào phú trong vùng; hai bữa ăn có quan địa-phương cấp. Giữa đường đổi xe, ngựa và phu. Đường đi rất rét. « Tay không để lộ ra được, nhỏ nước bọt thành giá; nước mũi chảy xuống râu, chốc lát đóng thành hạt châu, nối tiếp như râu » (PSYĐ).

Địa-điểm lớn là huyện Hà-gian, có Đào-viên kết nghĩa. Rồi qua Trạc-châu mà tới Kinh-đô.

(Còn nữa)

# MARUKA MACHINERY CO. LTD.

## Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,  
Đồ phụ tùng xe máy,  
Đồ phụ tùng xe hơi  
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc  
Kỹ nghệ, ð Bi và  
bạc đạn, vật dụng  
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »  
Máy điều hòa không  
khí « Hi ta chi »  
đồ điện «Hi-tachi»  
máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYỄN XỨ

**NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN**

Saigon Office :

13, Trần Hưng Đạo  
P. O. Box No. 121. Sài Gòn  
Cable address : « Maruka »  
Tel : No 23A8988

Head Office :

No 41 Bungo-Wachi  
Higashi — Ku  
Saka Japan  
P. O Box No Higashi : 350  
Osaka  
Cable Add ; «Maruka Osaka»  
Tel : No 940271 9